

Số: /SGDDĐT-GDTrH
V/v đánh giá kết quả 02 năm thực hiện CT
GDPT 2018 đối với cấp THCS và 01 năm
đối với cấp THPT

Nam Định, ngày tháng năm 2023

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện/thành phố;
- Các trường THPT trong tỉnh.

Nhằm đánh giá hiệu quả của việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (CT GDPT) 2018 qua 02 năm đối với cấp THCS, 01 năm đối với cấp THPT cũng như chỉ ra những tồn tại, hạn chế để từ đó xây dựng phương hướng, nhiệm vụ triển khai tốt hơn CT GDPT 2018 đối với lớp 8,11 trong năm học 2023-2024, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đánh giá kết quả thực hiện CT GDPT 2018 với các nội dung cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC THAM MƯU, CHỈ ĐẠO

1. Công tác tham mưu

a) Đối với Sở GDĐT

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong CT GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 (Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BGDĐT ngày 30/10/2022 của Bộ GDĐT về ban hành CT GDPT), Sở GDĐT tham mưu để Bộ GDĐT, UBND tỉnh ban hành 16 văn bản gồm các kế hoạch, công văn chỉ đạo về thực hiện chương trình, xây dựng tài liệu giáo dục địa phương (GDĐP), lựa chọn và phê duyệt sách giáo khoa (SGK) ... (Phụ lục I).

b) Đối với các phòng GDĐT

Căn cứ hướng dẫn của Sở GDĐT, phòng GDĐT các huyện, thành phố tham mưu cho UBND huyện/thành phố ban hành các văn bản thực hiện CT GDPT 2018 về việc thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới Chương trình và SGK, kế hoạch triển khai thực hiện CT GDPT 2018, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm các năm học...; ngoài ra, một số phòng GDĐT tham mưu ban hành một số văn bản chuyên đề cụ thể như: kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất đáp ứng CT GDPT 2018 (huyện Nghĩa Hưng); Đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng toàn diện GDĐT” (huyện Hải Hậu); Nghị quyết về thực hiện CT GDPT mới (huyện Trực Ninh, Nam Trực); Chỉ thị về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập (huyện Xuân Trường).

2. Công tác chỉ đạo

a) Đối với Sở GDĐT

Căn cứ vào các văn bản của Bộ GDĐT, UBND tỉnh, Sở GDĐT ban hành 78 văn bản chỉ đạo phòng GDĐT, các trường THPT về việc thực hiện CT GDPT 2018 về các nội dung như: Xây dựng kế hoạch; rà soát bổ sung đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy

học (TBDH); tổ chức tập huấn, Hội thảo; dạy học GDĐP và các môn học mới; khảo sát chất lượng dạy và học; hoạt động cụm/miền trường sinh hoạt về chương trình dạy học lớp 6,7,10, trong đó trọng tâm về phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất và năng lực người học (Phụ lục I).

b) Đối với phòng GDĐT

Căn cứ văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT, UBND huyện/thành phố, các phòng GDĐT kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện CT GDPT 2018, trong đó tập trung vào công tác dạy và học, xây dựng các loại kế hoạch trong nhà trường phù hợp với điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, TBDH, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, SGK, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

c) Đối với các trường THPT

Căn cứ các văn bản của Sở GDĐT, các trường THPT đã kịp thời chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn, bộ phận có liên quan triển khai CT GDPT 2018; tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học môn học của tổ chuyên môn, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy, kế hoạch kiểm tra đánh giá... và các văn bản có liên quan khác.

II. QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, CƠ SỞ VẬT CHẤT DẠY HỌC

Từ năm học 2020-2021, Sở GDĐT đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch đầu tư cải tạo, sửa chữa, xây mới khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học, khối phòng hỗ trợ học tập, nhà vệ sinh ở tất cả các trường học, hướng tới đảm bảo cơ bản theo tiêu chuẩn hiện hành¹; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, TBDH nhằm thực hiện đổi mới CT GDPT 2018; 100% các trường có máy vi tính nối mạng Internet phục vụ dạy học và quản trị nhà trường.

1. Quy mô trường, lớp và số học sinh (HS) (Phụ lục II)

a) Đối với cấp THCS:

Số trường THCS không thay đổi có 226 trường, so với năm học trước số lớp 6 toàn tỉnh tăng 54 lớp, số HS là 30.372 tăng 1.885 HS².

Lớp 7 có 28.257 HS giảm so với số HS lớp 6 năm học 2021-2022 là 230 HS (do HS lưu ban, bỏ học và chuyển đi tỉnh khác)³.

b) Đối với cấp THPT: Số trường THPT không thay đổi có 57 trường; số lớp 10 toàn tỉnh là 472, số HS là 20.673, tăng 1.766 HS so với lớp 10 năm học 2021-2022.

2. Phòng học

Tất cả các cấp học đều bố trí 01 phòng học/lớp là các phòng học kiên cố, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện CT GDPT 2018; hầu hết các phòng học được trang bị bàn ghế 2 chỗ ngồi, có ti vi thông minh/máy chiếu,...

¹ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 của Bộ GDĐT Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

² Năm học 2021-2022 số HS lớp 6 là 28.487 với 724 lớp. Đến năm học 2022-2023, tất cả các huyện đều có số lượng HS tăng, riêng Huyện Xuân Trường có số HS lớp 6 năm học 2022-2023 giảm so với năm học trước là 63 HS.

³ Cùng đối tượng HS lớp 6 khi lên học lớp 7 thì 10 phòng GDĐT đều giảm so với năm học trước, giảm nhiều nhất là Phòng GDĐT Ý Yên với 40 HS, Hải Hậu 39 HS ...

Bước vào đầu mỗi năm học, các đơn vị đã tích cực sửa chữa, xây mới và nâng cấp các phòng học (một số phòng học được trang bị điều hòa) và ưu tiên các phòng học có điều kiện tốt nhất cho HS học theo CT GDPT 2018.

Khối phòng học tập được trang bị, sắp xếp cơ bản theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT; các trường có khối phòng hỗ trợ học tập (Thư viện, Phòng thiết bị giáo dục, Phòng tư vấn học đường, Phòng truyền thống, Phòng Đoàn, Đội...).

Cấp THPT hiện có 1.397 lớp nhưng có 1.436 phòng học (thừa 39 phòng); khối THCS hiện có 2.944 lớp.

Theo mức tối thiểu về cơ sở vật chất được quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT: cấp THCS chủ yếu thiếu phòng học bộ môn, thư viện, các phòng hành chính quản trị, phòng kho, phòng họp tổ/nhóm chuyên môn...; cấp THPT thiếu phòng học bộ môn, nhà vệ sinh, kho thiết bị, phòng tư vấn, phòng họp tổ/nhóm chuyên môn... (Phụ lục III).

3. Thiết bị dạy học

Sở đã chỉ đạo phòng GDĐT chỉ đạo các nhà trường tổ chức rà soát, có kế hoạch đầu tư mua sắm, TBDH hằng năm theo quy định⁴.

Trong 02 năm qua, Sở GDĐT đã tích cực tham mưu UBND tỉnh cấp kinh phí để đầu tư mua sắm TBDH đáp ứng triển khai CT GDPT 2018 nhưng hiện nay tỉnh chưa có nguồn kinh phí để cấp; nhiều trường đã tận dụng bộ đồ dùng của những năm học trước hoặc sử dụng các thiết bị dạy học số, thí nghiệm ảo, đồ dùng dạy học tự làm ...

a) Đối với cấp THCS

Trong 02 năm học 2021-2022 và 2022-2023, đa số các nhà trường đã sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, xã hội hóa, tài trợ để mua sắm thiết bị dùng chung, đồ dùng dạy học (chủ yếu là Tivi thông minh, máy vi tính, máy chiếu, TBDH trực tuyến, hệ thống loa đài...) với giá trị hơn 57 tỷ đồng (Phụ lục IV).

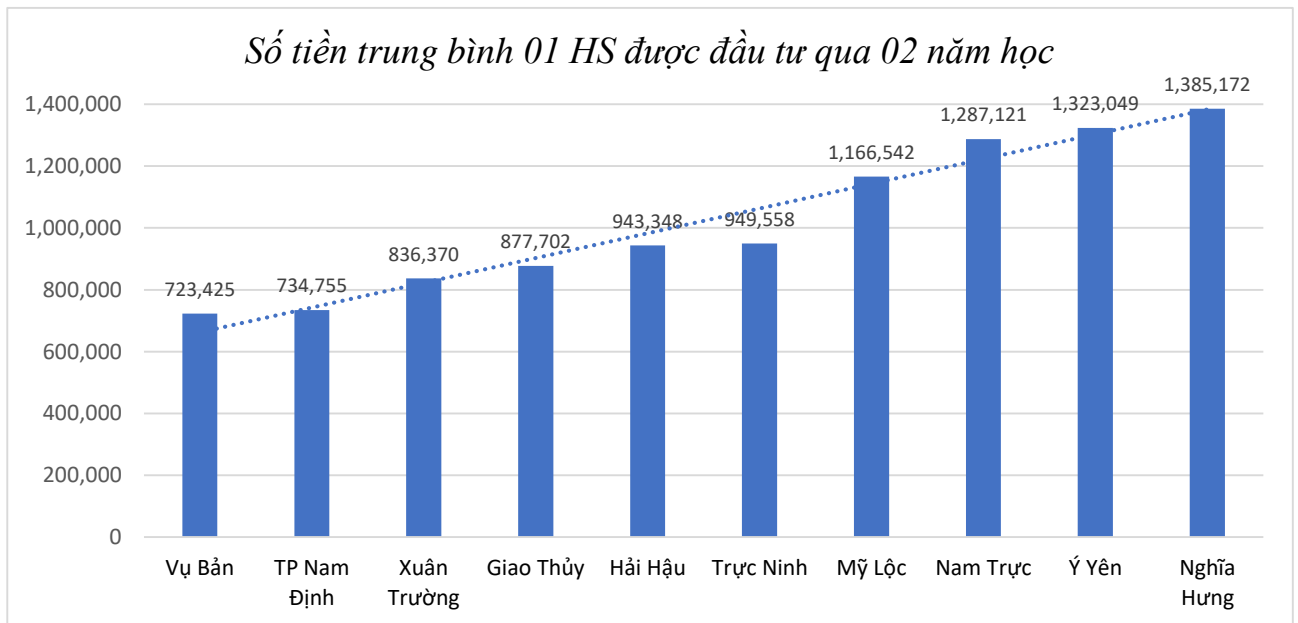
Bảng 1: Tổng hợp nguồn kinh phí chi đầu tư TBDH lớp 6,7 thực hiện CT GDPT 2018

Đơn vị tính: Đồng

TT	Phòng GDĐT	Số HS 02 năm CT 2018	Số tiền đầu tư TBDH	Số tiền TB 01 HS được đầu tư
1	Ý Yên	7.188	9,510,078,000	1.323.049
2	Vụ Bản	4.017	2,906,000,000	723.425
3	Mỹ Lộc	2.346	2,736,708,500	1.166.542
4	TP Nam Định	6.703	4,925,060,000	734.755

⁴ Theo danh mục tại Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 (Công văn số 211/SGDĐT-GDTrH của Sở GDĐT ngày 22/2/2021 tăng cường công tác chuẩn bị triển khai CT GDPT 2018; Công văn số 1152/SGDĐT-GDTrH ngày 9/8/2021 rà soát, hoàn thiện các điều kiện triển khai CT GDPT 2018 đối với lớp 6; Công văn số 2013/SGDĐT ngày 15/12/2021 của Sở GDĐT về việc tăng cường công tác chuẩn bị triển khai Chương trình GDPT 2018; Công văn số 483/SGDĐT ngày 07/4/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6, 7 THCS và lớp 10 THPT năm học 2022-2023).

TT	Phòng GDĐT	Số HS 02 năm CT 2018	Số tiền đầu tư TBDH	Số tiền TB 01 HS được đầu tư
5	Nghĩa Hưng	5.330	7,382,965,000	1.385.172
6	Trực Ninh	5.537	5,257,700,000	949.558
7	Nam Trực	5.431	6,990,356,200	1.287.121
8	Xuân Trường	5.386	4,504,689,000	836.370
9	Hải Hậu	9.117	8,600,500,900	943.348
10	Giao Thủy	5.691	4,995,000,000	877.702
	Tổng		57.809.057.600	



Đồ thị 1: So sánh số tiền trung bình 01 HS được đầu tư mua TBDH lớp 6,7 năm học 2021-2022, 2022-2023 của các huyện/thành phố

Qua đồ thị nhận thấy: Các huyện Nghĩa Hưng, Ý Yên, Nam Trực, Mỹ Lộc đã đầu tư mua sắm TBDH tính trung bình cho 01 HS là hơn 1 triệu đồng; cao nhất là huyện Nghĩa Hưng với gần 1,4 triệu đồng/HS, gấp gần 2 lần so với huyện chi thấp nhất là Vụ Bản. Nói chung, trong điều kiện khó khăn, khi không có nguồn kinh phí của trung ương và tỉnh cấp riêng cho thiết bị đổi mới CT GDPT 2018, các huyện đã chủ động chỉ đạo, hướng dẫn các nhà trường tiết kiệm từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và huy động các nguồn hợp pháp khác đầu tư mua sắm TBDH. Hiện nay, gần 100% các lớp 6,7 trong toàn tỉnh có Tivi thông minh được kết nối wifi, qua đó rất thuận lợi cho giáo viên (GV) việc áp dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực.

b) Đối với cấp THPT

Năm học 2022-2023, các trường đã sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách, xã hội hóa để mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học, chủ yếu là Tivi thông minh, máy vi tính, máy chiếu, TBDH trực tuyến, hệ thống loa đài, bàn ghế 02 chỗ ngồi, hoá chất, dụng cụ

thí nghiệm ... với giá trị gần 23 tỷ đồng. Như vậy, trung bình 01/HS được đầu tư hơn 1,1 triệu đồng (Phụ lục IV).

III. ĐỘI NGŨ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Cán bộ quản lý (CBQL)

Toàn tỉnh có 475 CBQL cấp THCS trong đó 222 Hiệu trưởng (có 226 trường THCS), 253 Phó Hiệu trưởng trong đó có 473/475 cán bộ đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019, chiếm 99,58%. Cấp THPT có 164 CBQL trong đó 55 Hiệu trưởng, 109 Phó Hiệu trưởng. CBQL được tập huấn trên LMS và trực tiếp các Mô-đun theo quy định của Bộ GDĐT, do vậy bước đầu nắm bắt và triển khai hiệu quả CT GDPT 2018 (Phụ lục V).

2. Giáo viên

Để chuẩn bị đội ngũ dạy CT GDPT 2018, Sở GDĐT chỉ đạo các phòng GDĐT, các trường THPT cân đối số GV hiện có trong toàn cấp học ưu tiên GV nhiệt tình, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), có năng lực với chuyên ngành đào tạo phù hợp dạy các lớp thực hiện CT GDPT 2018, đồng thời điều chuyển, điều động, biệt phái GV giữa các nhà trường để dạy các môn học mới như Khoa học tự nhiên (KHTN), Lịch sử và Địa lý, các môn học khác thuộc cấp THCS cũng như bảo đảm sự đồng đều về chất lượng dạy học. Đối với cấp THPT, Sở GDĐT đã biệt phái 20 GV từ trường thừa GV sang trường thiếu (Phụ lục V).

Các phòng GDĐT đã bố trí 3.344 GV dạy chương trình lớp 6 trong đó có trên 91,35% GV đã đạt chuẩn, bố trí 3.386 GV dạy chương trình lớp 7 trong đó có trên 91,85% GV đã đạt chuẩn. Ngoài ra, để bảo đảm chất lượng dạy và học các phòng GDĐT đã tiến hành điều động, biệt phái, tăng cường 182 GV (Phụ lục V). Theo thống kê các đơn vị, số GV cần được đào tạo để dạy môn KHTN theo Quyết định 2454/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 là 663 người, cần được đào tạo dạy môn Lịch sử và Địa lý theo Quyết định 2455/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 là 813 người. Hiện nay, Sở GDĐT phối hợp với Đại học Sư phạm Hà Nội mở các lớp nâng chuẩn lên Đại học cho môn Mỹ thuật 27 người, Tin học 31 người, Giáo dục thể chất 39 người, Tiếng Anh 38 người. Sở GDĐT đã trình UBND tỉnh xin kinh phí để tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng GV thực hiện CT GDPT 2018 cho 2.023 GV⁵ (Phụ lục V).

Đối với cấp THPT toàn tỉnh đã bố trí 2.175 GV dạy khối 10 trong đó 100% GV đạt chuẩn, 20,34% trên chuẩn.

Đội ngũ GV các cấp hiện có cơ cấu tương đối đầy đủ ở các bộ môn (riêng cấp THPT chưa có GV dạy các môn Âm nhạc, Mĩ thuật), bên cạnh đó một số môn thừa thiếu cục bộ (Phụ lục V), nhưng về cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai CT GDPT 2018. Công tác bồi dưỡng, tập huấn GV được quan tâm, chú trọng trên LMS và tập huấn trực tiếp các mô-đun thuộc CT GDPT 2018. Đội ngũ GV chủ động, tích cực tham gia sinh

⁵ Thực hiện Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về việc Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2020-2025; Công văn số 441/UBND-VP7 ngày 28/7/2021 về việc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2021; Quyết định số 2454/QĐ-BGDĐT, 2455/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 của Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng giáo viên dạy các môn học Lịch sử và Địa lý, KHTN theo CT GDPT 2018.

hoạt chuyên môn, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Các nhà trường tạo mọi điều kiện để GV được tham gia học tập nâng cao trình độ.

Đối với cấp THCS do đội ngũ GV còn thiếu về chủng loại, nhất là 02 môn: KHTN, Lịch sử & Địa lý⁶ nên phải bố trí 02 đến 03 GV dạy 01 môn (dạy song hành chương trình) gây khó khăn trong việc quản lý, kiểm tra, đánh giá HS và xếp thời khóa biểu.

Khu vực thành phố, các cụm công nghiệp ở các xã phường, thị trấn tập trung đông dân cư gây sức ép về sĩ số HS/lớp. Một số địa phương vẫn tồn tại tình trạng thừa - thiếu GV cục bộ trong khi không có cơ chế về việc hợp đồng GV dẫn đến tình trạng cử CBQL phải thay phiên đảm nhiệm việc dạy học tại các lớp hoặc cử GV không đúng chuyên môn dạy thay.

IV. SÁCH GIÁO KHOA, NGUỒN HỌC LIỆU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổ chức lựa chọn, phát hành, tập huấn sử dụng SGK

a) Tổ chức lựa chọn SGK lớp 6,7,10

Căn cứ các văn bản của Bộ, Sở GDĐT đã chỉ đạo phòng GDĐT hướng dẫn các trường THCS trực thuộc, các trường THPT tổ chức lựa chọn, đề xuất danh mục SGK; tham mưu UBND tỉnh thành lập các Hội đồng lựa chọn SGK; tiến hành họp Hội đồng lựa chọn SGK và trình UBND tỉnh phê duyệt Danh mục SGK lớp 6, lớp 7, lớp 10 sử dụng trong cơ sở GDPT (Phụ lục I).

Các đơn vị đã triển khai đầy đủ, kịp thời hệ thống văn bản liên quan đến việc tổ chức lựa chọn SGK tới tổ/nhóm chuyên môn; tổng hợp chính xác, khoa học việc lựa chọn SGK, báo cáo Sở GDĐT theo quy định; lưu hồ sơ lựa chọn SGK của đơn vị quản lý theo quy định.

Các nhà trường đã chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện, phương tiện kỹ thuật, sắp xếp thời gian để CBQL, GV nghiên cứu các bản mẫu SGK, tài liệu, video hướng dẫn giới thiệu các bộ sách, cuốn sách; thực hiện lựa chọn SGK theo quy trình và tiêu chí đã được ban hành⁷, cụ thể: Các tổ chuyên môn tổ chức thảo luận, nhận xét, đánh giá đối với từng cuốn SGK, tiến hành bỏ phiếu lựa chọn SGK theo môn theo lớp và công bố kết quả kiểm phiếu; nhà trường tiến hành họp, thảo luận, đánh giá SGK trên cơ sở danh mục SGK do các tổ chuyên môn đề xuất; lập danh mục SGK các môn học trong nhà trường; báo cáo kết quả đề xuất lựa chọn về Phòng và Sở GDĐT theo quy định.

Qua kiểm tra của Sở GDĐT, việc tổ chức lựa chọn SGK, của các nhà trường được thực hiện nghiêm túc, khách quan, công khai, minh bạch, lưu hồ sơ đầy đủ. Hằng năm, không có đơn vị đề xuất thêm danh mục khác với danh mục do UBND tỉnh đã phê duyệt.

Tuy nhiên, phiếu nhận xét của một số GV còn chung chung, giống nhau, chưa nêu bật được ưu điểm bộ sách đơn vị đề xuất lựa chọn.

b) Tập huấn sử dụng SGK

⁶ 10 huyện/TP đều diễn ra tình trạng này.

⁷ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT; Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 26/2/2021 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy định tiêu chí lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Sở GDĐT đã phối hợp với các nhà xuất bản (NXB) xây dựng kế hoạch tập huấn sử dụng SGK, yêu cầu các đơn vị chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn tham gia tập huấn sử dụng SGK kịp thời, đúng lịch, đầy đủ theo kế hoạch (mỗi môn 01 ngày). Kết quả: 100% CBQL, GV tham gia tập huấn hoàn thành trong tháng 7 hàng năm, kiểm tra đánh giá, nộp sản phẩm sau tập huấn đầy đủ.

c) Công tác đảm bảo SGK

Phòng GDĐT, các trường THPT tổng hợp số lượng SGK gửi về Sở GDĐT để chuyển UBND tỉnh cung cấp cho các NXB, vào đầu các năm học mới HS, GV đều có đủ SGK và tài liệu khác phục vụ soạn giảng. Nhà trường giới thiệu các nguồn cung cấp SGK, cha mẹ HS và HS chủ động mua sách. Các trường cũng tích cực mua và tặng SGK cho HS nghèo, mua các bộ sách khác nhau cho thư viện.

Tuy nhiên, đầu năm học 2021-2022, tình hình dịch bệnh rất phức tạp, do cách ly xã hội giữa các tỉnh nên việc cung ứng SGK có chậm và được khắc phục ngay sau ngày Khai giảng năm học mới.

2. Việc sử dụng SGK, nguồn học liệu và tài liệu tham khảo vào dạy học

GV sử dụng SGK theo hướng dẫn đã được tập huấn của các NXB; tích cực khai thác các nguồn học liệu và tài liệu tham khảo phục vụ cho các hoạt động dạy và học của GV và HS (cả bản giấy và bản điện tử như file bài giảng, hình ảnh, video bài dạy minh họa, ...).

Năm học 2021-2022, GV tích cực tham gia cuộc thi Thiết kế bài giảng điện tử cấp tỉnh; năm học 2022-2023, GV tích cực tham gia cuộc thi xây dựng TBDH số qua đó đã xây dựng kho học liệu số ngành Giáo dục có chất lượng phục vụ đổi mới nội dung, phương pháp dạy-học, kiểm tra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và thực hiện CT GDPT 2018 nói riêng⁸.

Những năm đầu tiên tiếp cận và sử dụng SGK mới nên GV và HS còn nhiều bỡ ngỡ. Một bộ phận GV vẫn quan niệm SGK là pháp lệnh, chưa coi SGK là công cụ, là phương tiện, là nơi cung cấp ngữ liệu thực hiện CT GDPT 2018 nên lúng túng trong quá trình thực hiện. Nguồn tài liệu tham khảo trên thị trường còn ít, chưa hỗ trợ tốt cho người dạy và người học trong quá trình thực hiện CT GDPT mới.

Việc giới thiệu SGK và các nguồn tài liệu tham khảo cho học sinh được các đơn vị thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định⁹, trong đó thực hiện nghiêm việc không

⁸ Năm học 2021-2022: có 726 bài giảng tham gia dự thi (THCS: 500 bài giảng; THPT: 226 bài giảng), đánh giá ở mức Đạt trở lên cho 475 bài giảng cấp THCS với 303 giải (Nhất: 21; Nhì 58; Ba: 98; KK: 126) và 219 bài giảng cấp THPT với 141 giải (Nhất: 15; Nhì 21; Ba: 47; KK: 58).

Năm học 2022-2023: THCS 393 sản phẩm dự thi, THPT 201 sản phẩm dự thi; cấp tỉnh đã lựa chọn được 1.325 sản phẩm thuộc nhóm 2 (gồm cả tiểu học) là các sản phẩm có thể sử dụng ngay trong dạy và học, 132 sản phẩm thuộc nhóm 3 là các sản phẩm được đề cử dự thi vòng chung khảo toàn quốc với kết tính Nam Định xếp thứ Nhất toàn quốc đạt 31/154 giải toàn quốc (với 2/5 Giải Nhất; 4/10 Giải Nhì; 8/50 Giải Ba và 17/89 Giải KK).

⁹ Chi thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10/06/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc sử dụng SGK và sách tham khảo trong các cơ sở giáo dục phổ thông; Công văn số 1010/SGDĐT ngày 29/6/2022 của Sở GDĐT về việc sử dụng SGK, sách tham khảo trong các cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Công văn số 3379/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2023 của Bộ GDĐT về việc phối hợp chỉ đạo cung ứng SGK phục vụ năm học 2023-2024 và những năm

lạm dụng vị trí công tác của GV, CBQL để thực hiện hoặc tham gia thực hiện việc ép buộc, vận động HS hoặc cha mẹ học sinh mua xuất bản phẩm tham khảo.

V. THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

1. Xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục tại các cơ sở giáo dục

Sở GDĐT kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn trong đó tăng cường phân cấp, giao quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục, gắn với việc nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ CBQL phù hợp với tình hình và điều kiện cụ thể của từng nhà trường, bám sát yêu cầu cần đạt theo CT GDPT 2018 đối với từng khối lớp. 100% đơn vị đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, được Hội đồng trường phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch (Phụ lục I).

Năm học 2021-2022, Sở GDĐT đã chỉ đạo các nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục linh hoạt tận dụng “thời gian vàng” tổ chức giảng dạy những nội dung trọng tâm, cốt lõi; sẵn sàng chuyển trạng thái từ trực tiếp sang dạy học trực tuyến¹⁰; năm học 2022-2023, Sở GDĐT đã chỉ đạo các nhà trường tập trung hoàn thành chương trình, ưu tiên kiểm tra, đánh giá cuối kỳ và đã hoàn thành chương trình giáo dục theo đúng Khung thời gian do UBND tỉnh ban hành.

Căn cứ công văn hướng dẫn của Sở GDĐT về thực hiện chương trình và thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học, các nhà trường đã bố trí dạy học các môn học/hoạt động giáo dục (HĐGD), dạy học tích hợp, lồng ghép theo hướng dẫn của Bộ¹¹ bảo đảm theo quy định.

Việc xây dựng các tổ hợp môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập lựa chọn ở lớp 10 tại các trường THPT được thực hiện theo hướng dẫn của và Sở GDĐT¹², bảo đảm vừa đáp ứng nguyện vọng của HS vừa sử dụng hiệu quả đội ngũ GV của nhà trường.

Sở GDĐT đã chỉ đạo trường THPT chuyên Lê Hồng Phong xây dựng kế hoạch giáo dục và kế hoạch dạy học các môn theo hướng dẫn tại Công văn số 4171/BGDĐT-GDTrH ngày 26/8/2022 của Bộ GDĐT về hướng dẫn nội dung dạy học các môn chuyên cấp THPT.

tiếp theo; Công văn số 414/UBND-VP7 ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh về việc phối hợp chỉ đạo cung ứng SGK phục vụ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo.

¹⁰ Sở đã tổ chức tập huấn, liên hệ cung cấp tài khoản bản quyền dạy học trực tuyến cho các nhà trường như: OLM, Office 365 của Microsoft, Vioedu; lựa chọn nền tảng CNTT, tập huấn giáo viên, hướng dẫn HS và cha mẹ HS, xây dựng kho học liệu số...

¹¹ Các trường đã chú trọng việc triển khai dạy học tích hợp, lồng ghép các nội dung: học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nội dung pháp luật về phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính, phòng chống tệ nạn xã hội; giáo dục quyền con người; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, loà cho HS; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục về tác hại của thuốc lá; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục tăng cường năng lực số, chuyển đổi số ... trong các môn học, HĐGD.

¹² Tại Công văn số 702/SGDĐT-GDTrH ngày 12/5/2022 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 (Hướng dẫn thực hiện Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023); Công văn số 1232/SGDĐT-GDTrH ngày 8/8/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn bổ sung thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023.

Tuy nhiên, đối với môn KHTN, một số nhà trường tiến hành dạy song hành/đồng thời (không dạy theo logic tuyến tính lần lượt từng chủ đề); có trường cử 01 GV dạy tất cả các chủ đề trong khi GV không bảo đảm về chuyên môn được đào tạo (kể cả môn Lịch sử và Địa lý). Cá biệt có trường do thiếu GV Thể dục cử GV có trình độ chuyên môn Toán sang dạy...

Đối với hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: các nhà trường còn cứng nhắc trong tổ chức thực hiện, chưa linh hoạt các hình thức dạy học được hướng dẫn tại Chương trình môn học; chưa phân định rõ giờ kiêm nhiệm của GV chủ nhiệm với giờ GV chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ dạy hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.

Đối với nội dung GDĐP: một số đơn vị phân công dạy theo năng lực chuyên môn; tuy nhiên, một số nhà trường giao cho một GV dạy hoặc GV chủ nhiệm dạy là chưa đảm bảo phân công GV đúng chuyên môn dạy học.

Kế hoạch dạy thêm học thêm theo CT GDPT 2018 của các đơn vị chưa đảm bảo, một số trường còn sao chép yêu cầu cần đạt của môn học, chưa xây dựng yêu cầu cần đạt phù hợp với mục tiêu của từng đối tượng cần củng cố và nâng cao kiến thức trong dạy thêm.

2. Đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của HS theo quy định của CT GDPT 2018

Bước vào đầu mỗi năm học, các GV được tập huấn, bồi dưỡng về phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực (mô-đun 2,4,9) và kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực (mô-đun 3); được tập huấn sử dụng SGK, trong đó chú trọng việc tổ chức dạy học các môn mới như Lịch sử và Địa lí, KHTN, Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; các trường, cụm trường tăng cường hội thảo, dự giờ, kịp thời chia sẻ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho GV trong quá trình dạy học SGK mới. Sở GDĐT đã tổ chức Hội thảo chuyên môn để trao đổi kinh nghiệm, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho CBQL, GV thực hiện chương trình, SGK lớp lớp 6,7,10; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực quản lý chuyên môn, tập trung vào sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học và xây dựng quy chế chuyên môn cho cấp THCS và THPT.

Các trường chú trọng trong công tác chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học; cán bộ, GV các trường tích cực tham gia các lớp tập huấn của Sở, phòng GDĐT về đổi mới phương pháp dạy học, tập huấn các mô-đun; sau tập huấn, các nhà trường tổ chức sinh hoạt chuyên môn và áp dụng vào dạy và học có điều chỉnh phù hợp thực tiễn từng đơn vị; dạy học bám sát từng đối tượng HS; chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp tự học, tự nghiên cứu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho HS trình bày, thảo luận, luyện tập, thực hành, bảo vệ kết quả học tập của mình; GV tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để HS tiếp nhận và vận dụng; tăng cường các hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong các nhà trường nhằm phát huy tính sáng tạo cho HS, tạo ra các môi trường khác nhau để HS được trải nghiệm nhiều nhất; nhiều trường được đầu tư TBDH phù hợp với việc ứng dụng CNTT vào dạy học, tạo điều kiện cho GV thực hiện phương pháp, kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực.

Các trường thực hiện nghiêm túc việc đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS¹³ khách quan, công bằng, đảm bảo đánh giá theo phẩm chất và năng lực HS. Việc xây dựng đề kiểm tra định kỳ theo đúng qui trình đã được tập huấn, có ma trận, bản đặc tả và viết câu hỏi phục vụ ma trận theo 4 mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao, trong đó chỉ rõ các kỹ năng, năng lực cần được kiểm tra; tỉ lệ phân bố câu hỏi ở các mức độ nhận thức phù hợp với đối tượng HS.

Tuy nhiên, năm học 2021-2022 do dịch COVID-19 diễn biến phức tạp nên việc thực hiện phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực còn hạn chế; đến năm học 2022-2023, GV đã tích cực triển khai các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, giúp HS được chủ động tham gia các hoạt động học.

3. Việc tổ chức tập huấn, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn cụm/miền, tự học trên LMS

Trong mỗi năm học, để bảo đảm chất lượng dạy và học, cụm/miền trường THCS/THPT thuộc các huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nhiều hoạt động chuyên môn dành cho GV và HS như: Hội thảo các chuyên đề dạy học, Hội giảng đổi mới phương pháp dạy học, Ngày hội STEM, giao lưu văn nghệ, thể thao, thi HSG cụm ...¹⁴

Căn cứ kế hoạch của Bộ, Sở GDĐT đã ban hành Kế hoạch về tổ chức bồi dưỡng GV và CBQL thực hiện CT GDPT 2018 năm 2021, 2022, 2023 và tiến hành tổ chức thực hiện theo kế hoạch. Đã cử 38 CBQL cốt cán, 163 GV cốt cán cấp THCS tham dự các lớp tập huấn mô-đun 1,2,3,4,5,9 tại Bộ GDĐT. Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí mua tài khoản bồi dưỡng trực tuyến các mô-đun triển khai CT GDPT 2018 cho toàn thể GV và CBQL trong tỉnh; tổ chức tập huấn mô-đun 3,4,5,9 cho GV và CBQL cấp THCS và THPT bằng hình thức trực tuyến/trực tiếp¹⁵. Sở GDĐT

¹³ Theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá HS trung học cơ sở và HS trung học phổ thông

¹⁴ Đối với cụm THPT; 8/9 Cụm tổ chức Hội thi GVĐG một số môn học lớp 10 theo CT GDPT 2018 (trừ cụm Xuân Trường); cụm Xuân Trường mời Vụ trưởng Vụ GDTrH Chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm triển khai CT GDPT 2018; Hội thảo Ứng dụng CNTT (cụm Mỹ Lộc-Vụ Bản).

Đối với các Phòng GDĐT: Hải Hậu: Hội thảo về dạy đọc hiểu văn bản 1,2,3 trong một bài học; Mỹ Lộc: 03 buổi sinh hoạt NCBH cho CBQL, giáo viên trong toàn huyện đối với các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng anh, KHTN của lớp 7; Nghĩa Hưng: Zalo môn/lớp, cung cấp học liệu điện tử; sinh hoạt cụm xây dựng ma trận, đặc tả bài kiểm tra định kì lớp 6, 7 cho 05 cụm chuyên môn; Nam Trực: Tổ chức “gối sóng” thi GV dạy giỏi cấp miền, huyện; Ý Yên: Mời Giáo sư, Phó Giáo sư –Tổng chủ biên, chủ biên CT GDPT 2018, chủ biên của các bộ sách Toán, Ngữ văn (Cánh Diều) hội thảo CT và SGK, ĐMPPDH và KTĐG, tháo gỡ bản khoản vướng mắc về CT, SGK, PPDH lớp 7 môn Ngữ văn và Toán lớp 7 với các Tác giả viết SGK; Xuân Trường: Vụ GDTrH trực tiếp dự giờ dạy KHTN.

¹⁵ Năm học 2022-2023 với hình thức tập huấn trực tiếp cho CBQL: cấp THCS được tập huấn 226 người, cấp THPT 164 người; cho GV: cấp THCS 4.972 người, cấp THPT 2.976 người. Ngoài ra Sở GDĐT đã tổ chức tập huấn nâng cao năng lực quản lý chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT 2018 cấp THCS, THPT cho CBQL và tổ trưởng chuyên môn; tập huấn xây dựng ma trận, bản đặc tả và đề kiểm tra các môn học theo CT GDPT 2018 cấp THCS và Hội đồng chuyên môn cấp tỉnh vào tháng 9/2022; tập huấn đại trà thực hiện điều chỉnh Chương trình môn Lịch sử cấp THPT; tập huấn dạy học STEM cho đội ngũ cốt cán cấp THCS, THPT; tổ chức ngày hội IELTS; dự tập huấn xây dựng ma trận, bản đặc tả tại Bộ GDĐT đối với cấp THPT ...

tổ chức Hội thảo dạy học kết nối xuyên biên giới nhằm đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phẩm chất và năng lực HS đáp ứng CT GDPT 2018. Sở GDĐT đã ban hành Kế hoạch số 1696/KH-SGDĐT ngày 25/10/2022 về tổ chức dạy học kết nối qua đó đã thúc đẩy GV, HS được trao đổi chuyên môn, giao lưu với các nền văn hóa khác nhau trên thế giới giúp hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực HS một cách toàn diện, nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học cho GV và HS; một số đơn vị tiêu biểu như: phòng GDĐT thành phố Nam Định (THCS Phùng Chí Kiên), phòng GDĐT huyện Trực Ninh, phòng GDĐT huyện Hải Hậu, phòng GDĐT huyện Giao Thủy, THPT Trần Hưng Đạo, THPT chuyên Lê Hồng Phong.

Trước khi triển khai CT GDPT 2018 đối với các lớp đầu cấp, Sở GDĐT đã tổ chức tập huấn cho 100% CBQL và GV cốt cán về xây dựng các loại kế hoạch trong nhà trường, xây dựng tổ hợp môn lựa chọn, việc kiểm tra đánh giá, xây dựng khung chương trình, phân phối chương trình môn học/HĐGD, soạn giáo án theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực, qua đó giúp các nhà trường thuận lợi trong việc triển khai các công việc trong năm học. Qua việc thanh, kiểm tra, Sở GDĐT nhận thấy các nhà trường cơ bản thực hiện tốt các nội dung đã tập huấn, tổ chức thực hiện chương trình các khối lớp thuận lợi.

4. Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT

a) Kết quả rèn luyện

Bảng 2: So sánh kết quả rèn luyện của HS lớp 6 năm học 2022-2023 và năm học 2021-2022 (Cùng thực hiện CT GDPT 2018)

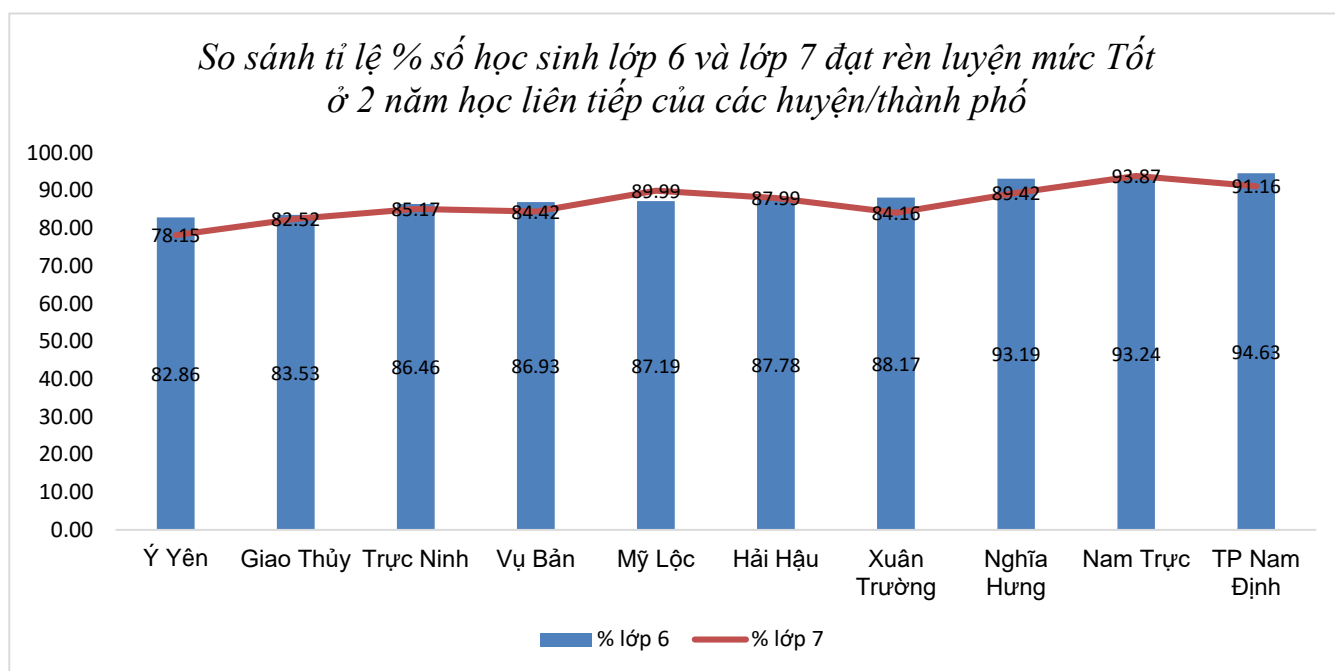
Kết quả rèn luyện HS lớp 6 năm học 2022-2023 (tính theo %)				Kết quả rèn luyện HS lớp 6 năm học 2021-2022 (tính theo %)			
Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
88,48	10,22	1,2	0,1	86,38	12,07	1,54	0,01

Qua bảng thống kê nhận thấy: Kết quả đánh giá rèn luyện của HS khối 6 qua 02 năm thực hiện CT GDPT 2018 là khá ổn định, không có nhiều khác biệt (tỉ lệ HS rèn luyện mức Tốt tăng hơn 2%, trong khi tỉ lệ mức Chưa đạt cũng tăng 0,09%).

Bảng 3: So sánh kết quả rèn luyện của HS lớp 6 năm học 2021-2022 và lớp 7 năm học 2022-2023 (Cùng đối tượng HS)

Kết quả rèn luyện HS lớp 6 năm học 2021-2022 (tính theo %)				Kết quả rèn luyện HS lớp 7 năm học 2022-2023 (tính theo %)			
Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
86,38	12,07	1,54	0,01	86,46	12,03	1,42	0,09

Qua bảng kết quả nhận thấy: Cùng đối tượng HS qua 02 năm kết quả rèn luyện hầu như không thay đổi, như vậy có thể thấy việc đánh giá của các cơ sở giáo dục là khá ổn định.



Đồ thị 2: So sánh tỉ lệ % số học sinh lớp 6 và lớp 7 đạt rèn luyện mức Tốt ở 2 năm học liên tiếp của các huyện/thành phố

Qua đồ thị nhận thấy: Đánh giá của các huyện/thành phố có sự chênh lệch không đáng kể đối với cùng đối tượng học sinh qua 02 năm thực hiện CT GDPT 2018.

Bảng 4: So sánh kết quả rèn luyện của HS lớp 7 năm học 2021-2022 (CT cũ) và lớp 7 năm học 2022-2023 (CT mới 2018)

Kết quả rèn luyện HS lớp 7 năm học 2022-2023 (tính theo %)				Kết quả hạnh kiểm HS lớp 7 năm học 2021-2022 (tính theo %)			
Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt	Tốt	Khá	TB	Yếu
86,46	12,03	1,42	0,09	86,40	12,42	1,11	0,07

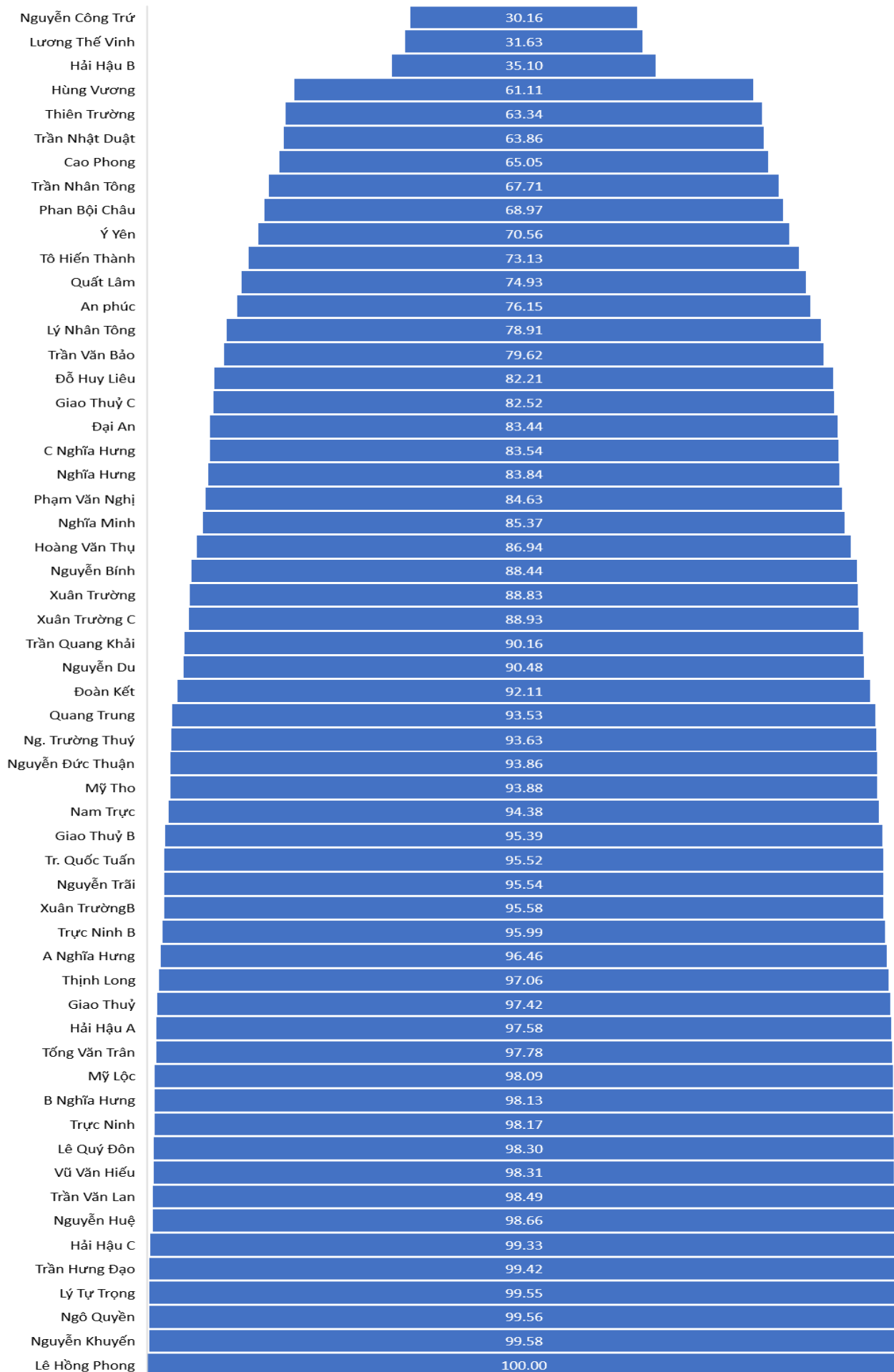
Qua bảng thống kê nhận thấy: Hạnh kiểm của HS lớp 7 năm học 2021-2022 so với kết quả rèn luyện của HS thực hiện CT GDPT 2018 là rất tương đồng nhau, không có sự chênh lệch đáng kể.

Bảng 5: So sánh kết quả rèn luyện của HS lớp 10 năm học 2022-2023 (CT mới 2018) và lớp 10 năm học 2021-2022 (CT cũ 2006)

Kết quả rèn luyện HS lớp 10 năm học 2022-2023 (tính theo %)				Kết quả hạnh kiểm HS lớp 10 năm học 2021-2022 (tính theo %)			
Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt	Tốt	Khá	TB	Yếu
87,61	10,21	1,93	0,24	90,74	8,09	1,04	0,13

Qua bảng thống kê nhận thấy: Hạnh kiểm của HS lớp 10 năm học 2021-2022 so với kết quả rèn luyện của HS thực hiện CT GDPT 2018 là tương đương nhau (mức Tốt và Khá đều đạt 97-98%), không có sự chênh lệch lớn.

Tỷ lệ % số học sinh đạt Rèn luyện Mức Tốt lớp 10 năm học 2022-2023 (theo độ dốc thấp-cao)



Bảng 6: So sánh kết quả học tập của HS lớp 6 năm học 2022-2023 và năm học 2021-2022 (Cùng thực hiện CT GDPT 2018)

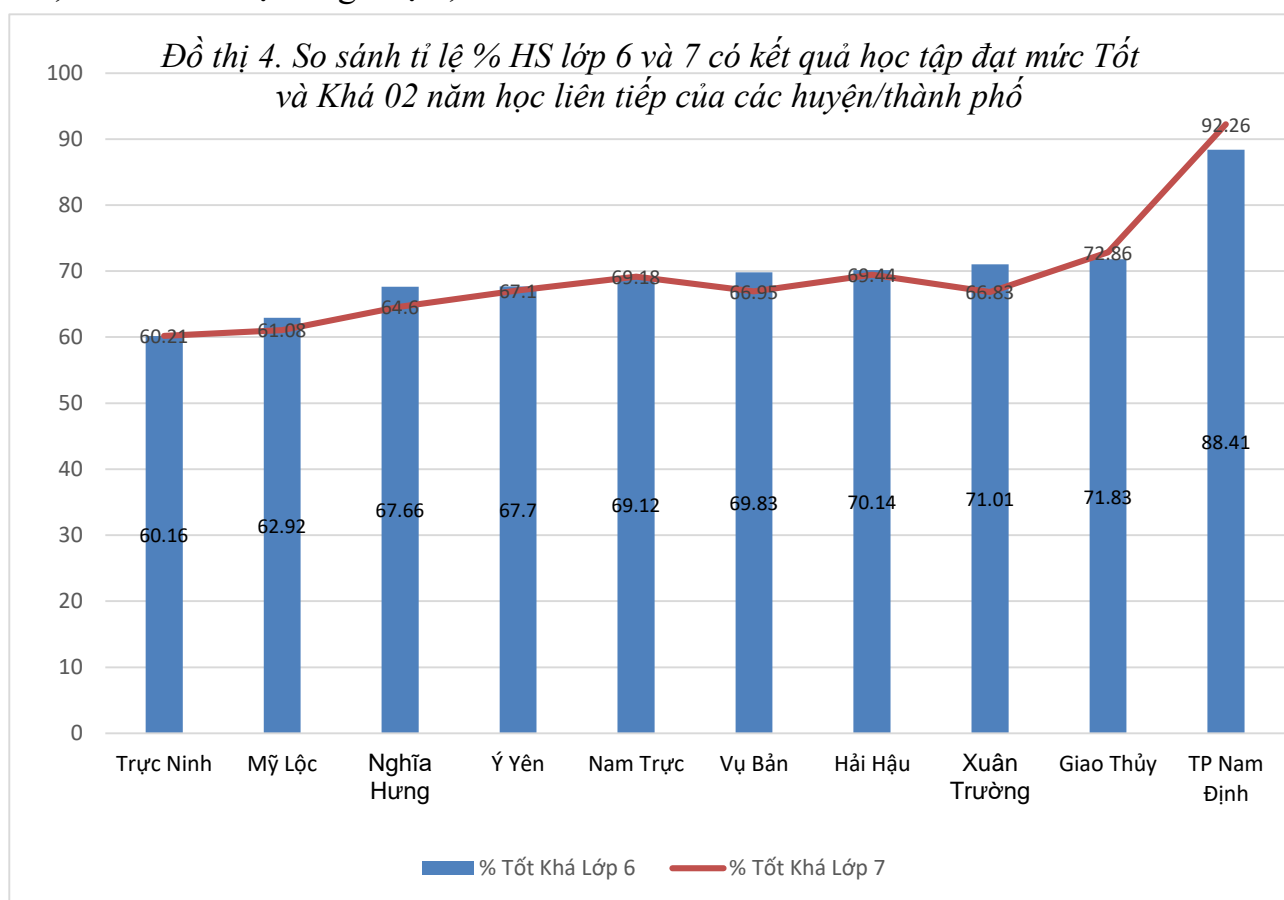
Kết quả học tập HS lớp 6 năm học 2022-2023 (tính theo %)				Kết quả học tập HS lớp 6 năm học 2021-2022 (tính theo %)			
Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
32,16	38,68	26,52	2,64	25,34	41,45	30,45	2,76

Qua bảng thống kê nhận thấy: Kết quả rèn luyện của HS lớp 6 năm học 2022-2023 tốt hơn năm học 2021-2022, cụ thể, HS đạt mức Tốt cao hơn 6,82%, trong khi HS đạt mức Khá, Đạt và Chưa đạt thấp hơn lần lượt là khoảng 2,77%, 3,93% và 0,12%.

Bảng 7: So sánh kết quả học tập của HS lớp 6 năm học 2021-2022 và lên lớp 7 năm học 2022-2023 (Cùng đối tượng HS)

Kết quả học tập HS lớp 6 năm học 2021-2022 (tính theo %)				Kết quả học tập HS lớp 7 năm học 2022-2023 (tính theo %)			
Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
25,34	41,45	30,45	2,76	31,40	38,64	26,98	2,84

Qua bảng thống kê nhận thấy: Cùng đối tượng HS qua 02 năm học, kết quả học tập mức Tốt đã tăng trên 6%, trong khi mức Khá và Đạt giảm với tỉ lệ tương đương 6%, mức Chưa đạt tăng nhẹ 0,08%.



Qua đồ thị trên nhận thấy: 02 năm liên tiếp thực hiện CT GDPT 2018, cùng đối tượng học sinh lớp 6 lên lớp 7, tỉ lệ % số học sinh có kết quả học tập đạt mức Tốt và

Khá hầu như không thay đổi, một số huyện thay đổi không đáng kể, trừ thành phố Nam Định chênh lệch lớn nhất là 3,85%.

Bảng 8: So sánh kết quả học tập của HS lớp 7 năm học 2021-2022 (CT cũ 2006) và lớp 7 năm học 2022-2023 (CT mới 2018)

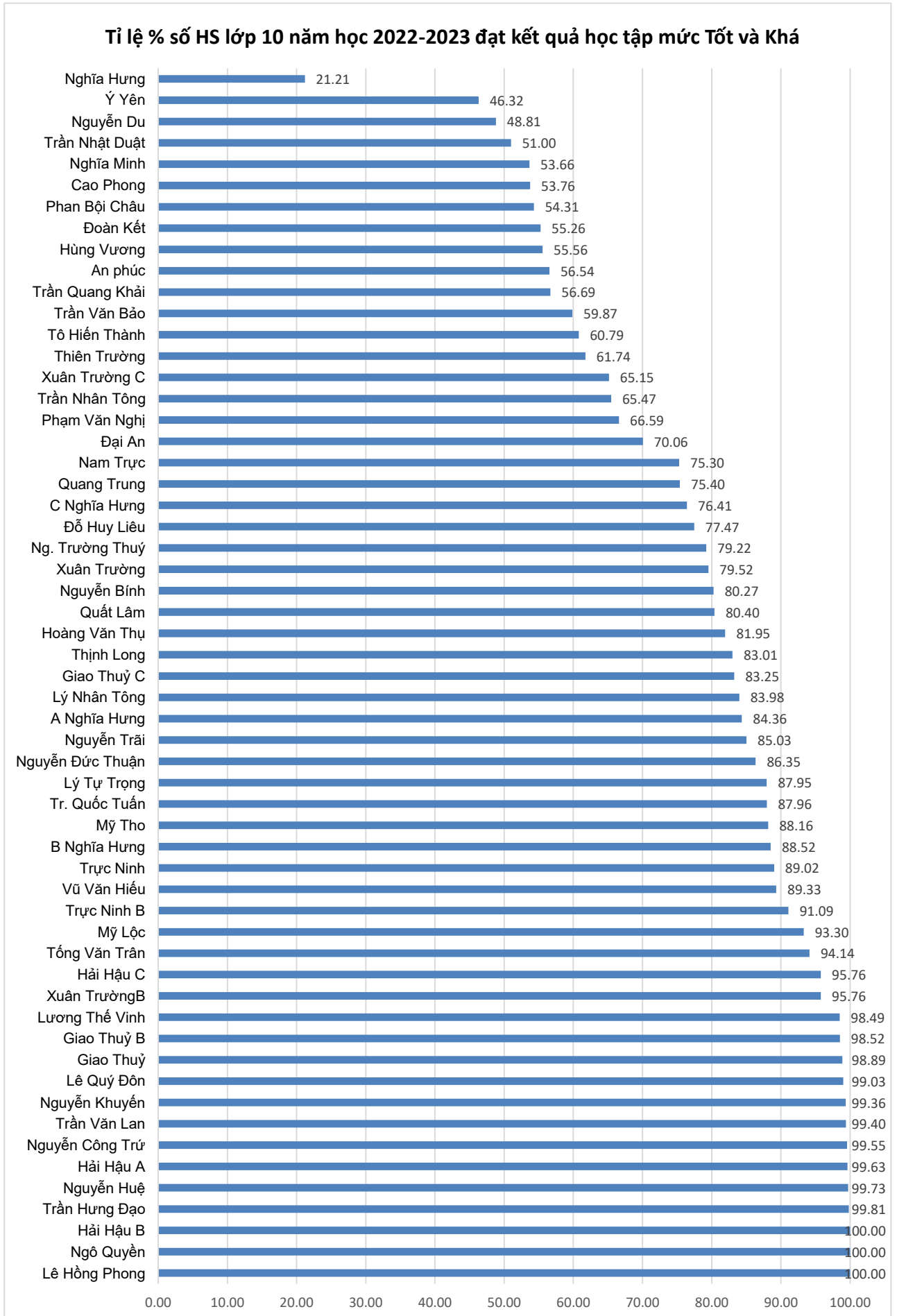
Kết quả học tập HS năm học 2022-2023 (tính theo %)				Kết quả Học lực HS năm học 2021-2022 (tính theo %)				
Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém
31,40	38,64	26,98	2,84	26,99	43,33	26,60	2,99	0,09

Qua kết quả thống kê nhận thấy, HS lớp 7 thực hiện theo CT GDPT 2018 có kết quả tích cực hơn so với HS lớp 7 học theo CT GDPT 2006, cụ thể, tỉ lệ HS theo CT mới đạt mức Tốt cao hơn 4,41% so với loại Giỏi của HS theo CT cũ; trong khi HS mức Chưa đạt thấp hơn 0,24 so với HS loại Yếu và Kém.

Bảng 9: So sánh kết quả học tập của HS lớp 10 năm học 2022-2023 (CT mới 2018) và lớp 10 năm học 2021-2022 (CT cũ 2006)

Kết quả học tập HS lớp 10 năm học 2022-2023 (tính theo %)				Kết quả Học lực HS lớp 10 năm học 2021-2022 (tính theo %)				
Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém
40,39	43,53	15,06	1,03	33,31	49,89	15,80	0,98	0,02

Từ kết quả thống kê cho thấy, kết quả học tập của HS lớp 10 theo CT GDPT mới tích cực hơn so với HS lớp 10 theo chương trình cũ; HS theo chương trình mới đạt mức Tốt cao hơn 7,08% so với loại Giỏi của HS theo chương trình cũ; trong khi HS ở mức Đạt so với mức TB và mức Chưa đạt so với loại Yếu, Kém là tương đương nhau.



Đồ thị 5. So sánh tỉ lệ % HS lớp 10 đạt kết quả học tập mức Tốt và Khá các trường THPT

c) Khen thưởng

Bảng 10: Tỷ lệ % HS lớp 6 năm học 2021-2022 và 2022-2023 được khen thưởng
(Qua 02 năm thực hiện Thông tư 22)

TT	Phòng GDĐT	HS xuất sắc (tính theo %)		HS giỏi (tính theo %)	
		2021-2022	2022-2023	2021-2022	2022-2023
1	Ý Yên	3,04	2,55	20,64	25,06
2	Vụ Bản	3,03	3,48	25,72	28,92
3	Mỹ Lộc	2,80	3,00	21,75	20,45
4	TP Nam Định	7,63	17,21	29,56	38,06
5	Nghĩa Hưng	1,27	1,69	17,16	22,72
6	Trực Ninh	1,76	2,87	18,67	20,49
7	Nam Trực	0,33	1,79	22,46	23,88
8	Xuân Trường	2,03	3,97	19,68	23,58
9	Hải Hậu	2,62	4,12	19,22	26,62
10	Giao Thủy	2,24	25,22	14,47	10,81
	Tổng	2,78	7,01	20,81	24,80

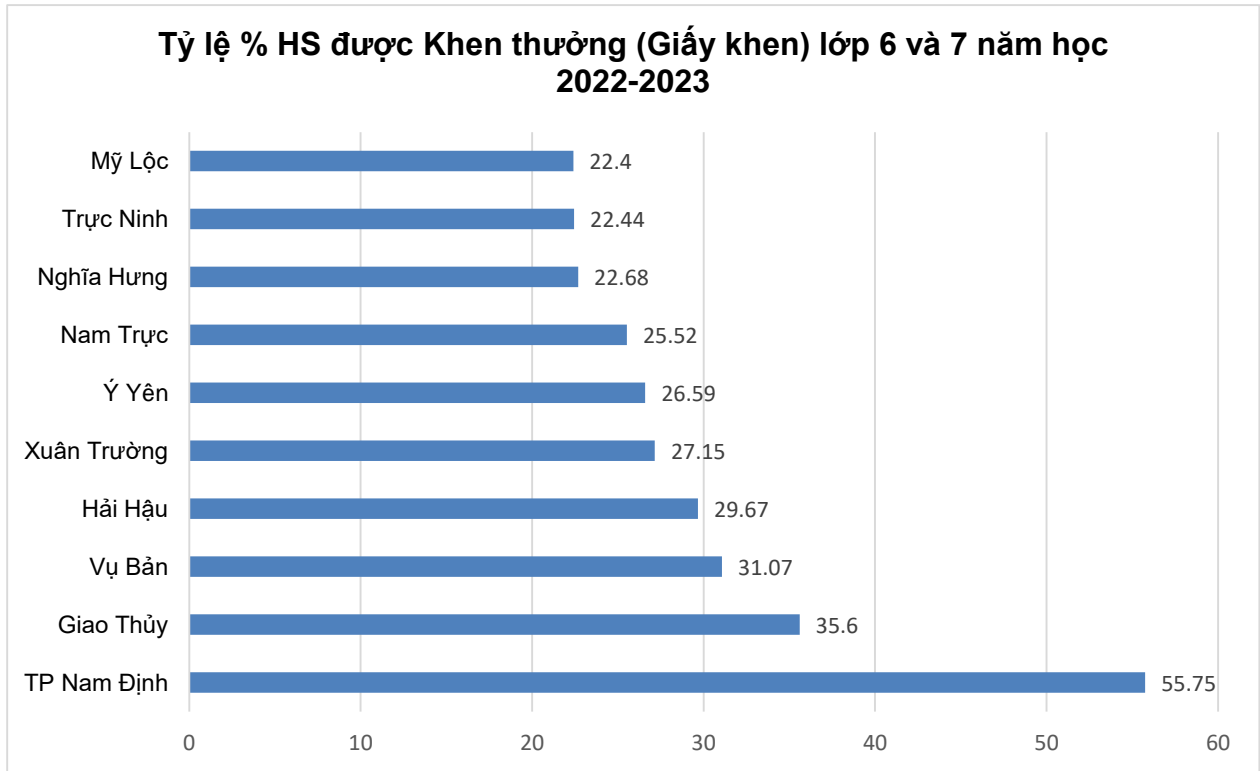
Qua 02 năm thực hiện việc đánh giá HS theo Thông tư 22 của Bộ GDĐT, đã có sự thay đổi đáng kể về tỷ lệ HS được khen thưởng loại Xuất sắc và loại Giỏi, cụ thể HS loại Xuất sắc tăng 4,23% và HS loại Giỏi tăng 3,99%.

Bảng 11: Tỷ lệ % HS lớp 6 năm học 2021-2022 và lớp 7 năm học 2022-2023 được khen thưởng (cùng đối tượng HS)

TT	Phòng GDĐT	HS xuất sắc (tính theo %)		HS giỏi (tính theo %)	
		Lớp 6 (21-22)	Lớp 7 (22-23)	Lớp 6 (21-22)	Lớp 7 (22-23)
1	Ý Yên	3,04	4,06	20,64	21,40
2	Vụ Bản	3,03	3,10	25,72	26,56
3	Mỹ Lộc	2,80	2,05	21,75	19,16
4	TP Nam Định	7,63	20,97	29,56	35,35
5	Nghĩa Hưng	1,27	1,77	17,16	19,10
6	Trực Ninh	1,76	2,29	18,67	19,15
7	Nam Trực	0,33	1,07	22,46	24,28
8	Xuân Trường	2,03	3,25	19,68	23,50
9	Hải Hậu	2,62	4,19	19,22	24,39
10	Giao Thủy	2,24	26,79	14,47	8,35
	Tổng	2,78	7,46	20,81	22,53

So với năm học đầu tiên thực hiện CT GDPT, năm học thứ 2 (cùng đối tượng HS), kết quả học tập của HS ở lớp 7 được đánh giá có sự tiến bộ rất rõ rệt, cụ thể: HS loại Xuất sắc tăng 4,68%, gần gấp 03 lần so với cùng đối tượng HS ở lớp 6, HS loại Tốt cũng tăng 1,72%.

Đồ thị 6. So sánh tỉ lệ % HS lớp 6,7 được khen thưởng trong năm học 2022-2023 của các huyện/thành phố



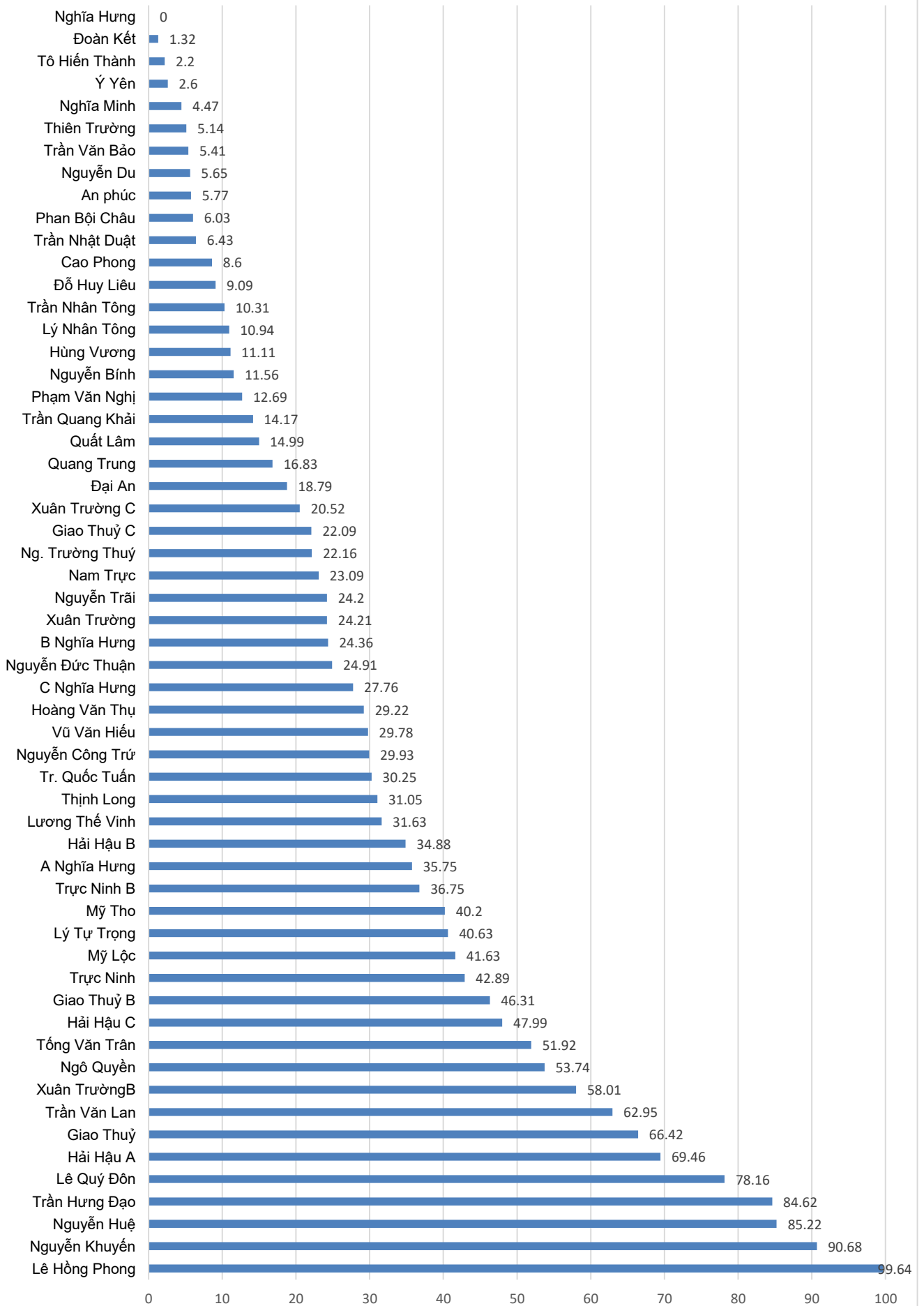
Qua đồ thị nhận thấy: Tỷ lệ HS được khen thưởng giữa của thành phố Nam Định có sự chênh lệch rất lớn đối với các huyện còn lại, cụ thể là 55,75%, gấp gần 02 lần so với huyện thứ 2 (Giao Thủy 35,6%) và gấp gần 3 lần đối với huyện thấp nhất (Mỹ Lộc 22,4%).

Bảng 12: Tỷ lệ % HS lớp 10 năm học 2021-2022 (CT cũ 2006) và lớp 10 năm học 2022-2023 (CT mới 2018) được khen thưởng (So sánh khi thực hiện 02 Thông tư khác nhau)

Năm học 2022-2023 (tính theo %)		Năm học 2021-2022 (tính theo %)	
HS xuất sắc	HS giỏi	HS Giỏi	HS Tiên tiến
5,48%	31,20%	32,86%	50,02%
Số HS có Giấy khen: 7.581/20.673 chiếm 36,67 %		Số HS có Giấy khen: 15.670/18.907 chiếm 82,88 %	

Qua bảng nhận thấy: Khi thực hiện CT GDPT 2018 đối với lớp 10, tỷ lệ HS được khen thưởng (HS Xuất sắc và HS Giỏi) chiếm 36,67% so với tổng số HS. Tỷ lệ HS được khen thưởng năm học 2021-2022 thực hiện CT cũ (HS Giỏi và HS Tiên tiến) là 82,88%, gấp 2,3 lần so với năm học thực hiện CT GDPT 2018 (Phụ lục VI).

Tỉ lệ % học sinh được Khen thưởng (Giấy khen) lớp 10 năm học 2022-2023



Đồ thị 7. So sánh tỉ lệ % HS được khen thưởng lớp 10 năm học 2022-2023 của các trường THPT trong tỉnh

Qua đồ thị nhận thấy: Tỉ lệ HS được khen thưởng giữa các trường chênh lệch lớn, có những trường số lượng HS lớn nhưng tỷ lệ khen thưởng thấp, do vậy việc kiểm tra đánh giá cần bảo đảm đúng yêu cầu cần đạt, không nâng cao yêu cầu cần đạt của chương trình là yếu tố quan trọng để đánh giá đúng phẩm chất và năng lực HS và đánh giá đồng đều giữa các trường.

5. Đánh giá kết quả khảo sát chất lượng

Sở GDĐT tổ chức khảo sát chất lượng HS đối với khối lớp 7 và lớp 10:

a) Đối với cấp THCS

Khối 7, gồm 05 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, KHTN, Lịch sử và Địa lí cho 20% số trường mỗi huyện theo hình thức trực tiếp vào tháng 5/2023.

Bảng 13: Thống kê các môn khảo sát lớp 7

STT	Môn học	Điểm trung bình	Tỉ lệ % điểm trên 5,00	Tỉ lệ % điểm dưới 5,00
1	Toán	6,89	78,45	21,55
2	Ngữ văn	7,85	96,73	3,27
3	Tiếng Anh	5,79	64,37	35,63
4	KHTN	6,03	72,56	27,44
5	Lịch sử và Địa lí	5,57	61,55	38,45

Bảng 14: Số HS lớp 7 tham gia khảo sát đạt từ 5 điểm trở lên các môn Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, KHTN, Lịch sử và Địa lý theo huyện/thành phố

TT	Huyện/TP	Số HS khảo sát	Số đạt từ 5 trở lên	Tỉ lệ %
1	Vụ Bản	1.920	1.584	82,50
2	Hải Hậu	3.740	3.081	82,38
3	Xuân Trường	4.655	3.800	81,63
4	Giao Thủy	3.940	3.165	80,33
5	Nam Định	6.679	5.278	79,02
6	Trực Ninh	2.580	1.917	74,30
7	Nghĩa Hưng	2.035	1.449	71,20
8	Mỹ Lộc	950	605	63,68
9	Nam Trực	2.119	1.284	60,59
10	Ý Yên	5.211	3.119	59,85

Qua bảng thống kê nhận thấy: Điểm trung bình các môn khảo sát và tỉ lệ % HS đạt trên trung bình là khá cao, có thể khẳng định HS khối 7 tiếp cận tốt với chương trình GDPT 2018. Huyện Vụ Bản có số lượng HS đạt điểm 5 trở lên 04 môn Khảo sát cao nhất, huyện thấp nhất là Ý Yên. Tuy nhiên, kết quả không đánh giá toàn diện chất lượng giáo dục các huyện/thành phố do tỉ lệ % HS tham gia khảo sát lựa chọn 20% số trường.

d) Đối với THPT

Khối 10, gồm 03 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, khảo sát 100% các trường THPT theo hình thức trực tiếp vào tháng 5/2023.

Bảng 15: Thống kê các môn khảo sát lớp 10:

STT	Môn học	Điểm trung bình	Tỉ lệ % điểm trên 5,00	Tỉ lệ % điểm dưới 5,00
1	Toán	6,68	78,34	21,66
2	Ngữ văn	7,17	96,88	3,12
3	Tiếng Anh	5,49	58,15	41,85

Kết quả khảo sát cho thấy các đơn vị triển khai khá hiệu quả CT GDPT 2018, phần lớn HS nắm vững kiến thức cốt lõi theo yêu cầu cần đạt của chương trình (Phụ lục VII).

6. Ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học

Sở GDĐT tổ chức tập huấn các nền tảng, học liệu điện tử cho các cơ sở giáo dục như: OLM của Đại học Sư phạm Hà Nội; Vioedu của Công ty phần mềm FPT; phối hợp Microsoft Việt Nam bàn giao tài khoản Admin cho Sở GDĐT và cấp 1 triệu tài khoản cho HS và 500 ngàn tài khoản Office 365 A1 cho GV miễn phí. Sở GDĐT đã cấp tài khoản admin cho 100% các trường THCS trong toàn tỉnh, các nhà trường cấp tài khoản Office 365 A1 cho GV và HS.

Sở GDĐT đã tổ chức hội thảo về dạy học ứng phó với dịch bệnh COVID-19, tập huấn bồi dưỡng hình thức dạy học trực tuyến, trong đó các đơn vị chia sẻ kinh nghiệm tổ chức kích hoạt phương án dạy học trực tuyến và phương pháp, kỹ năng dạy học trực tuyến hiệu quả, bảo đảm tâm lý HS, an toàn, an ninh mạng, các ứng dụng dạy học kèm theo bảo đảm HS hứng thú khi học tập trực tuyến.

Tập huấn mô-đun 9 về ứng dụng CNTT trong dạy học cho GV cốt cán 10 phòng GDĐT và 100% GV đại trà cấp THPT, các GV đã hoàn thành sản phẩm sau tập huấn là giáo án có ứng dụng CNTT được báo cáo viên đánh giá là giáo án có chất lượng tốt, có thể tham khảo tại các nhà trường.

7. Tài liệu giáo dục địa phương

Việc triển khai biên soạn, thẩm định tài liệu GDĐP được thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch; việc hoàn thành giảng dạy chương trình GDĐP lớp 6, lớp 7 và lớp 10 đảm bảo đúng kế hoạch năm học, tuy nhiên việc triển khai giảng dạy nội dung GDĐP lớp 7,10 tại các đơn vị muộn so với kế hoạch năm học do việc thẩm định của Bộ GDĐT. Hiện Hội đồng biên soạn, thẩm định Tài liệu giáo dục địa phương của tỉnh đã hoàn thành biên soạn, thẩm định xong Tài liệu GDĐP tỉnh Nam Định lớp 8 và lớp 11, UBND tỉnh đã đề nghị Bộ GDĐT phê duyệt (Phụ lục I).

Tuy nhiên, việc phát hành Tài liệu GDĐP các khối lớp đang gặp khó khăn do các quy định về đấu thầu nên các trường đang khắc phục bằng việc sử dụng bản mềm (PDF) để giảng dạy, điều này cũng gây không ít khó khăn đến việc học tập của HS và làm giảm hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Với sự nỗ lực của toàn ngành, sự tham mưu tích cực của Sở GDĐT, các phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục; sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, Nam Định đã triển khai thực hiện thành công CT GDPT 2018 đối với lớp 6, lớp 7 và lớp 10. Kết quả đánh giá học tập và rèn luyện cho thấy HS đã tiếp cận tốt với CT GDPT

mới, bước đầu phát triển phẩm chất, năng lực; các em đã tích cực, chủ động hơn trong học tập, được tạo điều kiện để phát triển tối đa năng lực bản thân và được định hướng hướng nghiệp sớm. CBQL, GV đã được tập huấn, bồi dưỡng về đổi mới phương pháp quản lí, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá và đã áp dụng thành công, mang lại những hiệu quả tích cực. Đội ngũ GV đã được rà soát, sắp xếp, điều động, biệt phát; cử đi đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo chất lượng, chủng loại đáp ứng việc triển khai CT GDPT mới. Các cơ sở giáo dục, các địa phương đã quan tâm đầu tư kinh phí, vận động các nguồn xã hội hoá hợp pháp để nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung mua sắm và sửa chữa thiết bị phục vụ việc đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá. Có thể nói việc đổi mới CT GDPT 2018 đối với lớp 6,7,10 tại Nam Định đang được triển khai đúng hướng, đồng bộ và đạt hiệu quả cao.

2. Hạn chế, khó khăn

- Các đơn vị phải điều chỉnh Kế hoạch giáo dục một số môn học: nội dung GDĐP, môn Lịch sử và Địa lí, khi dịch bệnh xảy ra...;

- Cơ sở vật chất ở một số nhà trường chưa đáp ứng quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020, Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020, một số khối công trình đã xây dựng từ lâu xuống cấp;

- TBDH thuộc chương trình 2006 hỏng nhiều do đã cấp nhiều năm, việc quản lý bảo dưỡng, tăng cường mua sắm còn ít, chưa được quan tâm đúng mức;

- Thiếu GV cục bộ ở một số nhà trường, đặc biệt là các môn học mới như: môn KHTN, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Tin học (cấp THCS)....;

- Kế hoạch giáo dục một số nhà trường chưa linh hoạt; các giải pháp chưa có tính khả thi cao, chưa bám sát hướng dẫn nhiệm vụ trung học hằng năm; việc dạy hoạt động trải nghiệm chưa thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của Bộ và Sở GDĐT; việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá ở một số đơn vị còn hạn chế và chưa đồng đều giữa các đơn vị;

- Một số GV chưa quan tâm nâng cao chất lượng kế hoạch bài dạy (giáo án); chưa bám sát vào yêu cầu cần đạt của chương trình, chưa thể hiện rõ phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, một số giáo án còn đi sâu cung cấp nội dung kiến thức;

- Một số phòng GDĐT chưa kịp thời hướng dẫn, kiểm tra, điều chỉnh việc dạy môn KHTN, còn xảy ra hiện tượng dạy song song các chủ đề, chưa bảo đảm dạy logic tuyến tính theo quy định. Một số môn học/HĐGD nhà trường phân công GV đứng lớp chưa bảo đảm năng lực, chưa đúng chuyên môn được đào tạo (môn KHTN, nội dung GDĐP ...);

- Việc xây dựng tổ hợp môn lựa chọn của một số trường THPT chưa thực sự khoa học; việc tuyên truyền, tư vấn cho HS đăng ký học các môn lựa chọn theo tổ hợp một số trường chưa tốt; số lượng HS đăng ký các tổ hợp môn học lựa chọn có sự chênh lệch đáng kể gây khó khăn việc xếp lớp và còn hiện tượng HS xin đổi nguyện vọng, gây khó khăn trong công tác tổ chức và làm xáo trộn kế hoạch giáo dục của nhà trường;

- Một số hoạt động chuyên môn ở một số cụm trường mang tính hình thức, chưa thực sự hiệu quả. Một số huyện chưa tổ chức tập huấn mô-đun 9 đại trà cho 100% GV theo quy định. Việc tự học tự bồi dưỡng của GV còn hạn chế, thụ động trông chờ cấp trên chỉ đạo;

- HS học cấp tiểu học, THCS theo CT GDPT cũ, khi chuyển cấp học theo CT GDPT mới nên một số em chưa làm quen, tiếp cận kịp thời với CT GDPT 2018.

3. Nguyên nhân của những hạn chế

- Bộ GDĐT ban hành một số văn bản hướng dẫn, chỉ đạo chậm; một số văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình không đồng nhất với nội dung tập huấn của các giảng viên (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp) ảnh hưởng đến việc triển khai chương trình tại các cơ sở giáo dục;

- Một bộ phận GV có tuổi, khả năng ứng dụng CNTT yếu, chậm trong việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá nên ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai CT GDPT 2018;

- Nguồn kinh phí đầu tư nâng cấp CSVC, mua sắm trang TBDH hạn hẹp; nguồn đầu tư của UBND tỉnh chưa có ảnh hưởng lớn tới hiệu quả triển khai CT GDPT 2018;

- CT GDPT 2018 có nhiều môn học mới, HS khối THPT học theo tổ hợp môn học lựa chọn nên làm thay đổi cơ cấu GV, trong khi kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV có nhiều vướng mắc;

- Một bộ phận CBQL và GV còn hạn chế về năng lực chuyên môn; chưa nghiên cứu kỹ CT GDPT 2018, chưa nhận thức đúng về 01 chương trình với nhiều bộ SGK, vẫn coi trọng dạy để ứng thí với các kì thi, kì kiểm tra của cơ quan quản lý;

- Một số HS, cha mẹ HS chưa được cung cấp thông tin đầy đủ về chương trình và SGK, đưa ra những nhận định, đánh giá chưa thật phù hợp và đầy đủ, gây áp lực cho GV, nhà trường và ngành giáo dục;

- Một số đơn vị chưa quan tâm đến việc bổ sung kiến thức, kỹ năng còn khác biệt giữa 02 chương trình đối với HS đầu cấp theo văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GDĐT;

- Các đơn vị chưa quan tâm, chú trọng nhiều đến công tác bồi dưỡng đội ngũ tại chỗ; việc triển khai thảo luận, chia sẻ các chương trình bồi dưỡng, tập huấn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT tại các cơ sở giáo dục còn hình thức; chưa dành nhiều thời gian thảo luận kỹ việc xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động chuyên môn;

- Số lượng biên chế đối với các phòng GDĐT ít, một số huyện chỉ có 01 chuyên viên phụ trách cả cấp học nên khó khăn trong việc tham mưu chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đổi mới.

4. Bài học kinh nghiệm

Qua 02 năm triển khai, thực hiện CT GDPT 2018, Sở GDĐT đã rút được một số bài học kinh nghiệm, cụ thể:

(1) Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về chuyên môn; xây dựng kế hoạch linh hoạt và triển khai các văn bản chỉ đạo thống nhất giữa các cấp, vận dụng phù hợp với điều kiện từng địa phương, từng nhà trường.

(2) Đẩy mạnh truyền thông tới các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương, cha mẹ HS và toàn xã hội về CT GDPT 2018 về những đổi mới của ngành, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội; thường xuyên trao đổi tình hình học tập, rèn luyện của HS để cha mẹ HS đồng hành cùng nhà trường, hỗ trợ, hướng dẫn con em trong quá trình học tập.

(3) Nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ CBQL, năng lực chuyên môn của đội ngũ GV trực tiếp triển khai chương trình lớp 6,7,10 và các lớp tiếp theo. Tổ chức tập

huấn tới CBQL, GV đại trà về các mô-đun thuộc CT GDPT 2018, công tác tập huấn được thực hiện kỹ lưỡng, dành nhiều thời gian cho GV nghiên cứu chương trình, đọc SGK, trao đổi và làm rõ yêu cầu cần đạt, nội dung, phương pháp và kỹ thuật dạy học đối với từng môn học, từng bài/chủ đề. Tạo điều kiện để GV chủ động linh hoạt thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với thực tế trường, lớp, khả năng tiếp thu của HS. Dành nhiều thời gian rèn nền nếp, phương pháp học tập chủ động, tích cực, năng động cho HS trong thời gian đầu của mỗi năm học.

(4) Tăng cường dự giờ, thăm lớp, tổ chức sinh hoạt chuyên môn qua nghiên cứu bài học để chia sẻ kinh nghiệm dạy học các môn học, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh. Sử dụng thành thạo các phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp để phát triển phẩm chất, năng lực HS; chú trọng dạy học theo đối tượng; thầy là người tổ chức các hoạt động học cho HS... tạo không khí tích cực, sôi nổi trong giờ học.

(5) Phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của Tổ/nhóm chuyên môn: thống nhất kế hoạch giảng dạy; trao đổi tháo gỡ những vướng mắc; ứng dụng hợp lý CNTT, sử dụng hiệu quả học liệu điện tử kèm theo SGK hoặc từ các nguồn đã được kiểm định để tăng tính trực quan, hấp dẫn, dễ hiểu... thường xuyên làm, suy tầm và sử dụng hiệu quả đồ dùng, TBDH;...

(6) Tăng cường công tác thanh, kiểm tra chuyên môn đối với cấp phòng, trường, tổ/nhóm và GV.

(7) Xây dựng hệ thống tiếp nhận thông tin, giải đáp thắc mắc từ các trường THCS/THPT đến Sở GDĐT/chuyên viên phụ trách môn học (Hội đồng chuyên môn) liên thông, liền mạch, giảm bớt hệ thống trung gian.

(8) Quan tâm sửa chữa, sắp xếp cơ sở vật chất, TBDH hiện có một cách hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng; xây dựng kế hoạch đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, tự làm TBDH, làm tốt công tác xã hội hóa để bổ sung cơ sở vật chất, TBDH đáp ứng yêu cầu.

(9) Dành thời gian thích hợp tổ chức cho HS làm quen với môi trường mới, giúp các em tự tin, tích cực, chủ động, năng động trong học tập ngay từ những tiết học đầu tiên. Thường xuyên nắm bắt thông tin từ CBQL, GV và cha mẹ HS để có những chỉ đạo kịp thời.

(10) Tổ chức hội thảo, sinh hoạt chuyên môn cấp trường, cụm trường, toàn huyện/thành phố, tỉnh để GV trao đổi, học hỏi về chuyên môn, đưa ra các giải pháp thực hiện hiệu quả các tiết dạy, các HĐGD, sử dụng các ngữ liệu, học liệu, tài liệu tham khảo. Xây dựng hệ thống tài liệu tham khảo dùng chung toàn tỉnh (bài giảng, giáo án, đề kiểm tra định kỳ, sản phẩm sau tập huấn).

VII. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2023-2024

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông về việc đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông¹⁶; thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên.

2. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ GV, cơ sở vật chất, TBDH; linh hoạt bố trí thời gian, thời điểm dạy học các môn học; phân

¹⁶ Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội.

công GV dạy học các môn học và HĐGD phù hợp chuyên môn được đào tạo, bảo đảm tính khoa học, sư phạm và số tiết/tuần của GV.

3. Xây dựng kế hoạch dạy học, bài dạy (giáo án) các môn học bám sát yêu cầu cần đạt theo CT GDPT 2018; thực hiện chương trình môn học chủ động, sáng tạo, linh hoạt; tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học¹⁷; tổ chức tập huấn, hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức dạy học theo CT GDPT 2018; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế cơ sở giáo dục.

4. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của HS; tổ chức Hội thi GV dạy giỏi cấp THCS các môn học thuộc CT GDPT 2018; tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống; dạy học tích hợp, lồng ghép.

5. Tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy học và quản trị nhà trường; khuyến khích GV thiết kế bài giảng điện tử, thí nghiệm ảo, TBDH số, tự làm đồ dùng dạy học và tích cực tham gia các hội thi có liên quan của các cấp (nếu có).

6. Tham mưu các cấp có thẩm quyền tuyển dụng đủ GV được giao; thực hiện điều động, biệt phái tăng cường GV từ nơi thừa đến nơi thiếu đảm bảo cơ cấu GV hợp lý; tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo GV đạt chuẩn, bồi dưỡng GV dạy các môn học mới.

7. Tiếp tục tham mưu các cấp chính quyền đầu tư nguồn lực nâng cấp CSVC, tăng cường TBDH; xã hội hóa theo đúng quy định để bảo đảm CSVC, thiết bị triển khai tốt CT GDPT 2018.

8. Biên soạn và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương lớp 9,12 bảo đảm đúng lộ trình; tổ chức lựa chọn, tập huấn SGK lớp 9,12 đúng quy định.

9. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra việc thực hiện CT GDPT 2018.

10. Tổ chức đánh giá 03 năm thực hiện chương trình SGK và chuẩn bị cho việc triển khai SGK lớp 9,12 trong năm học tiếp theo.

VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Bộ GDĐT

- Sớm ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện CT GDPT 2018 phù hợp từng năm học; quyết định phê duyệt danh mục SGK cần đảm bảo thời gian để các cơ sở hoàn thành lựa chọn SGK đúng quy định.

- Sửa đổi Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 Quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông cho phù hợp hơn với thực tế¹⁸.

- Chỉ đạo các NXB: sớm phát hành các bản mẫu SGK và gửi bản in cho các trường nghiên cứu lựa chọn.

- Có chính sách hỗ trợ GV, có văn bản hướng dẫn việc bồi dưỡng GV dạy các môn học mới khi thực hiện CT GDPT 2018 (như Lịch sử và Địa lí, KHTN) theo chương trình

¹⁷ Công văn số 1088/SGDĐT-GDTrH ngày 11/9/2013 của Sở GDĐT về việc nâng cao chất lượng và hiệu quả sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn góp phần đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

¹⁸ Việc tổ/nhóm có 01-02 GV; việc chọn lại SGK sau 01 năm học thuộc danh mục UBND tỉnh phê duyệt, việc Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở phải nhận xét đánh giá tất cả các bộ SGK

bồi dưỡng đã được phê duyệt. Có văn bản hướng dẫn để tháo gỡ các khó khăn trong việc đặt hàng đào tạo (việc đào tạo nâng trình độ chuẩn của GV THCS được thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu); việc in ấn, phát hành tài liệu GDĐP.

- Ban hành quy định mới về dạy thêm học thêm phù hợp với CT GDPT 2018.

- Sớm quyết định hình thức thi tốt nghiệp THPT, hình thức tuyển sinh Đại học; ra đề thi tốt nghiệp với hình thức và nội dung phù hợp đổi mới phương pháp dạy học.

- Hướng dẫn chi tiết HS chuyển đổi môn học lựa chọn sau khi học xong lớp 10 và 11 (việc kiểm tra, đánh giá, mức điểm tối thiểu ...).

- Giới thiệu các điển hình toàn quốc để các trường khác tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm.

2. Đối với UBND tỉnh

- Bố trí ngân sách hằng năm cho: Sở GDĐT, UBND các huyện, thành phố thực hiện mua sắm TBDH tối thiểu theo quy định.

- Cho phép tuyển dụng đủ nhu cầu về GV cho các cơ sở giáo dục, tuyển dụng nhân viên theo khung vị trí việc làm nhất là thư viện và thiết bị.

- Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng GV theo Kế hoạch.

3. Đối với UBND cấp huyện

- Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về GDĐT trên địa bàn theo quy định nhằm thực hiện có hiệu quả GDPT 2018.

- Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền địa phương đầu tư cơ sở vật, sửa chữa, xây mới các phòng học và khôi công trình phục vụ học tập cho HS./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GDĐT;
- UBND tỉnh;
- UBND huyện/thành phố;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, GDTrH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Đức Thọ